

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HOÀ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **17/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 05/4/2021

V/v: Hôn nhân gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ

2/ Ông Trương Đức Lâm

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 259/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXX- ST ngày 11 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn K, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện H, tỉnh B- Có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị H, sinh năm 1979. HKTT: Thôn Y, xã Đ, huyện H, tỉnh B; Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh B - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 02/6/2020, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (anh Trần Văn K) trình bày:

Anh và chị Trần Thị H cưới nhau có tình hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/10/1995 tại UBND xã Đ. Sau khi cưới chị Về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình, sau đó vợ chồng ra ở riêng trên nhà đất của bố mẹ anh. Tình cảm vợ chồng bình thường, được nhiều năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng có nhiều quan điểm sống bất đồng, không hợp nhau về cuộc sống, hơn nữa chị H lại có quan hệ bất chính (ngoại tình) với người khác dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi cọ với nhau. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình

động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cũng không thành. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên chị H chuyển ra khỏi nhà về sinh sống tại nhà đẻ ở thôn Chằm, xã Đ từ tháng 02/2020, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định không còn tình cảm gì với chị Hòa, vì vậy anh làm đơn xin ly hôn chị Hòa, đề nghị Tòa giải quyết để anh được ly hôn chị Hòa. Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa chị H xác định vẫn còn tình cảm với anh, giữa anh và chị H vẫn thường xuyên nhắn tin, điện thoại nói chuyện và vẫn có quan hệ tình cảm (sinh lý) với nhau là không đúng. Thực tế thì từ ngày chị H chuyển ra khỏi nhà thì vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, anh không còn quan tâm gì tới chị H nữa, đề nghị Tòa án xem xét.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Văn T, sinh ngày 01/8/1996 và Trần Văn T, sinh ngày 28/12/1997, hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, đã có gia đình riêng và ở riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến nay vợ chồng chưa thỏa thuận được, chị H đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản của vợ chồng, anh xác định vợ chồng có tài sản nhưng vẫn mong muốn tiếp tục thỏa thuận tiếp, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, còn việc chị H đề nghị Tòa án giải quyết thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Trong quá trình Tòa án giải quyết anh và chị H cũng đã được Tòa án giải thích về quyền và nghĩa vụ đối với việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này, nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này.

Bị đơn (chị Trần Thị H) trình bày: Chị và anh Trần Văn K cưới nhau có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/10/1995 tại UBND xã Đ. Sau khi cưới chị về nhà anh K làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình, sau đó vợ chồng ra ở riêng trên đất của bố mẹ chồng, nhà do vợ chồng chị xây dựng. Tình cảm vợ chồng bình thường, được nhiều năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do em chồng đổ lỗi cho chị có quan hệ ngoại tình do đọc tin nhắn trên điện thoại dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi cọ với nhau. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cũng không thành. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên chị đã chuyển ra khỏi nhà từ ngày 06/02/2020 và ở nhờ nhà chị gái chị ở thôn Vụ Nông, xã Bắc Lý, đến nay chị lại về ở nhà anh trai tại thôn Chằm, xã Đ. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, nhưng không chấm dứt về quan hệ tình cảm mà vẫn thường xuyên điện thoại, gặp gỡ quan hệ tình cảm với nhau, tuy nhiên chị không cung cấp được cho Tòa án những chứng cứ cụ thể xác định vợ chồng chị vẫn còn quan hệ tình cảm vì các tin nhắn và hình ảnh lưu trong điện thoại của chị, chị đã xóa hết không còn. Nay chị xác định vẫn còn tình cảm với anh K và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, vì vậy anh K làm đơn xin ly hôn chị không đồng ý, trường hợp anh K cương quyết xin ly hôn chị vẫn không đồng ý, đề nghị Tòa án xem xét. Do chị không đồng ý ly hôn nên trong các buổi làm việc tại Tòa án, sau khi thông qua các biên bản lấy lời khai, biên bản mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải chị công nhận các lời trình

bày của chị trong các biên bản này là đúng nhưng chị không đồng ý ly hôn anh K nên chị không ký vào các biên bản này.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Văn T, sinh ngày 01/8/1996 và Trần Văn T, sinh ngày 28/12/1997, hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, đã có gia đình riêng và ở riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Tại Tòa án, chị xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị xác định vợ chồng không thỏa thuận được việc chia tài sản chung nên yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Chị xác định đã được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu chia tài sản (phản tố) và nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí nhưng chị không đồng ý ly hôn nên chị không làm đơn phản tố và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn K được ly hôn chị Trần Thị H.

Về án phí: Anh Trần Văn K phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003969 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2020 của anh Trần Văn K đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

[2].1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Văn K và chị Trần Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của anh K thấy rằng*: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng anh K và chị H từ khi kết hôn có thời gian dài chung sống bình thường nhưng tình cảm vợ chồng không

duy trì phát triển được và đã phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, anh K và gia đình nghi ngờ chị H có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng đã xảy ra cãi cọ nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị H đã chuyển ra khỏi nhà, về nhà mẹ đẻ và chị gái ở từ ngày 06/02/2020, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, anh K xác định đã chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau, chị H xác định vợ chồng sống ly thân nhưng không chấm dứt về quan hệ tình cảm mà vẫn thường xuyên điện thoại, gặp gỡ quan hệ tình cảm với nhau. Chị H xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với anh K và mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, tại Tòa án cũng như tại phiên tòa chị H không đưa ra được chứng cứ cụ thể nào chứng minh việc từ khi sống ly thân vợ chồng vẫn còn quan tâm đến nhau và vẫn có quan hệ tình cảm bình thường nên không có căn cứ để xem xét. Hội đồng xét xử xét thấy chị H mong muốn vợ chồng về toàn tụ nhưng trên thực tế chị H không về sống chung cùng anh K và hai bên không đưa ra được biện pháp nào hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Địa phương xác định chị H đã chuyển ra khỏi nhà từ tháng 02 năm 2020, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị H đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho anh K được ly hôn chị H là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của anh K cần được chấp nhận.

[2].3. *Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của đương sự thấy rằng:* Anh K và chị Hiền xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Văn T, sinh ngày 01/8/1996 và Trần Văn T, sinh ngày 28/12/1997, hiện nay các con chung của vợ chồng đều đã trưởng thành, đã có gia đình riêng và ở riêng nên các đương không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét quyết định trong vụ án này.

[2].4. Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Tại Tòa án anh K và chị H xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên từ khi thụ lý vụ án đến trước ngày mở phiên tòa Tòa án không tiến hành xem xét giải quyết. Tại phiên tòa, chị H đề nghị Tòa án xem xét chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật và xác định đã được giải thích rõ về quyền phản tố yêu cầu chia tài sản của bị đơn và nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố nhưng chị không đồng ý ly hôn nên đã không làm đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung và không muốn phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy do nguyên đơn không có yêu cầu chia tài sản, bị đơn không có yêu cầu phản tố về việc chia tài sản, vì vậy Tòa án không xem xét việc chia tài sản của vợ chồng anh K, chị H trong vụ án này. Nếu đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

[2].6. Về án phí: Anh Trần Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ

luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn K được ly hôn chị Trần Thị H.

Về án phí: Anh Trần Văn K phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003969 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận anh K đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh B
- VKSNDHiệp Hòa
- THADS Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn